Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI

vn.xa-hoi-vi-mo.chi-so-quan-tri-nang-luc-canh-tranh.chi-so-nang-luc-canh-tranh-cap-tinh-pci

Đánh giá chất lượng điều hành kinh tế cấp tỉnh qua 9 nhóm chỉ số và 98 tiêu chí. Phiên bản 2025 phân nhóm chất lượng điều hành thay cho một bảng xếp hạng tổng hợp.

Version PCI 2025 (công bố 2026-05-15) · Cập nhật 2026-10-08 · Chính sách cập nhật monthly

ĐIỂM NỔI BẬT

ĐIỂM PCI TỔNG HỢP TRUNG VỊ

63.9

điểm trên 100

PCI 2025, toàn quốc

ĐỊA PHƯƠNG NHÓM TỐT

5

tỉnh/thành phố

PCI 2025

TRUNG VỊ CHI PHÍ KHÔNG CHÍN...

7.6

điểm trên 10

PCI 2025, toàn quốc

DỮ LIỆU

Gia nhập thị trường	Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: An Giang	6.11 điểm (thang 1–10)
Tiếp cận nguồn lực	Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: An Giang	6.19 điểm (thang 1–10)
Tính minh bạch	Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: An Giang	7.63 điểm (thang 1–10)
Chi phí tuân thủ TTHC	Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: An Giang	8.42 điểm (thang 1–10)
Chi phí không chính thức	Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: An Giang	7.41 điểm (thang 1–10)
Cạnh tranh bình đẳng	Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: An Giang	6.72 điểm (thang 1–10)
Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp	Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: An Giang	5.31 điểm (thang 1–10)
Thiết chế pháp lý	Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: An Giang	6.65 điểm (thang 1–10)
Chính quyền kiến tạo	Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: An Giang	5.5 điểm (thang 1–10)

Gia nhập thị trường	Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Bắc Ninh	8.2 điểm (thang 1–10)
Tiếp cận nguồn lực	Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Bắc Ninh	6.09 điểm (thang 1–10)
Tính minh bạch	Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Bắc Ninh	7.07 điểm (thang 1–10)
Chi phí tuân thủ TTHC	Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Bắc Ninh	8.93 điểm (thang 1–10)
Chi phí không chính thức	Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Bắc Ninh	7.95 điểm (thang 1–10)
Cạnh tranh bình đẳng	Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Bắc Ninh	5.21 điểm (thang 1–10)
Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp	Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Bắc Ninh	5.54 điểm (thang 1–10)
Thiết chế pháp lý	Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Bắc Ninh	7.88 điểm (thang 1–10)
Chính quyền kiến tạo	Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Bắc Ninh	6.67 điểm (thang 1–10)
Gia nhập thị trường	Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Cà Mau	7.05 điểm (thang 1–10)
Tiếp cận nguồn lực	Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Cà Mau	6.21 điểm (thang 1–10)
Tính minh bạch	Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Cà Mau	7.53 điểm (thang 1–10)
Chi phí tuân thủ TTHC	Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Cà Mau	8.06 điểm (thang 1–10)
Chi phí không chính thức	Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Cà Mau	7.26 điểm (thang 1–10)
Cạnh tranh bình đẳng	Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Cà Mau	5.04 điểm (thang 1–10)

Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp
Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Cà Mau
4.51 điểm (thang 1–10)

Thiết chế pháp lý
Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Cà Mau
6.11 điểm (thang 1–10)

Chính quyền kiến tạo
Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Cà Mau
5.48 điểm (thang 1–10)

Gia nhập thị trường
Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Cao Bằng
7.32 điểm (thang 1–10)

Tiếp cận nguồn lực
Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Cao Bằng
4.07 điểm (thang 1–10)

Tính minh bạch
Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Cao Bằng
6.51 điểm (thang 1–10)

Chi phí tuân thủ TTHC
Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Cao Bằng
6.47 điểm (thang 1–10)

Chi phí không chính thức
Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Cao Bằng
6.97 điểm (thang 1–10)

Cạnh tranh bình đẳng
Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Cao Bằng
5.27 điểm (thang 1–10)

Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp
Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Cao Bằng
5.01 điểm (thang 1–10)

Thiết chế pháp lý
Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Cao Bằng
7.28 điểm (thang 1–10)

Chính quyền kiến tạo
Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Cao Bằng
6.02 điểm (thang 1–10)

Gia nhập thị trường
Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Cần Thơ
8.21 điểm (thang 1–10)

Tiếp cận nguồn lực
Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Cần Thơ
4.57 điểm (thang 1–10)

Tính minh bạch
Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Cần Thơ
6.03 điểm (thang 1–10)

Chi phí tuân thủ TTHC Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Cần Thơ	7.31 điểm (thang 1–10)
Chi phí không chính thức Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Cần Thơ	8.04 điểm (thang 1–10)
Cạnh tranh bình đẳng Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Cần Thơ	5.51 điểm (thang 1–10)
Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Cần Thơ	5.56 điểm (thang 1–10)
Thiết chế pháp lý Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Cần Thơ	7.5 điểm (thang 1–10)
Chính quyền kiến tạo Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Cần Thơ	4.97 điểm (thang 1–10)
Gia nhập thị trường Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Đà Nẵng	8.7 điểm (thang 1–10)
Tiếp cận nguồn lực Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Đà Nẵng	6.07 điểm (thang 1–10)
Tính minh bạch Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Đà Nẵng	7.54 điểm (thang 1–10)
Chi phí tuân thủ TTHC Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Đà Nẵng	8.2 điểm (thang 1–10)
Chi phí không chính thức Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Đà Nẵng	7.61 điểm (thang 1–10)
Cạnh tranh bình đẳng Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Đà Nẵng	6.83 điểm (thang 1–10)
Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Đà Nẵng	5.78 điểm (thang 1–10)
Thiết chế pháp lý Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Đà Nẵng	7.82 điểm (thang 1–10)
Chính quyền kiến tạo Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Đà Nẵng	5.61 điểm (thang 1–10)

Gia nhập thị trường Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Đắk Lắk	7.43 điểm (thang 1–10)
Tiếp cận nguồn lực Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Đắk Lắk	5.26 điểm (thang 1–10)
Tính minh bạch Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Đắk Lắk	6.57 điểm (thang 1–10)
Chi phí tuân thủ TTHC Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Đắk Lắk	7.16 điểm (thang 1–10)
Chi phí không chính thức Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Đắk Lắk	7.84 điểm (thang 1–10)
Cạnh tranh bình đẳng Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Đắk Lắk	5.38 điểm (thang 1–10)
Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Đắk Lắk	5.89 điểm (thang 1–10)
Thiết chế pháp lý Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Đắk Lắk	7.27 điểm (thang 1–10)
Chính quyền kiến tạo Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Đắk Lắk	4.76 điểm (thang 1–10)
Gia nhập thị trường Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Điện Biên	7.47 điểm (thang 1–10)
Tiếp cận nguồn lực Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Điện Biên	5.6 điểm (thang 1–10)
Tính minh bạch Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Điện Biên	7.36 điểm (thang 1–10)
Chi phí tuân thủ TTHC Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Điện Biên	7.01 điểm (thang 1–10)
Chi phí không chính thức Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Điện Biên	7.93 điểm (thang 1–10)
Cạnh tranh bình đẳng Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Điện Biên	5.56 điểm (thang 1–10)

Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Điện Biên	5.4 điểm (thang 1–10)
Thiết chế pháp lý Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Điện Biên	6.77 điểm (thang 1–10)
Chính quyền kiến tạo Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Điện Biên	5.34 điểm (thang 1–10)
Gia nhập thị trường Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Đồng Nai	8.05 điểm (thang 1–10)
Tiếp cận nguồn lực Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Đồng Nai	6.2 điểm (thang 1–10)
Tính minh bạch Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Đồng Nai	7.07 điểm (thang 1–10)
Chi phí tuân thủ TTHC Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Đồng Nai	8.35 điểm (thang 1–10)
Chi phí không chính thức Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Đồng Nai	7.18 điểm (thang 1–10)
Cạnh tranh bình đẳng Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Đồng Nai	6.77 điểm (thang 1–10)
Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Đồng Nai	5.27 điểm (thang 1–10)
Thiết chế pháp lý Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Đồng Nai	6.88 điểm (thang 1–10)
Chính quyền kiến tạo Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Đồng Nai	5.63 điểm (thang 1–10)
Gia nhập thị trường Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Đồng Tháp	8.58 điểm (thang 1–10)
Tiếp cận nguồn lực Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Đồng Tháp	4.88 điểm (thang 1–10)
Tính minh bạch Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Đồng Tháp	6.16 điểm (thang 1–10)

Chi phí tuân thủ TTHC Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Đồng Tháp	7.77 điểm (thang 1–10)
Chi phí không chính thức Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Đồng Tháp	6.59 điểm (thang 1–10)
Cạnh tranh bình đẳng Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Đồng Tháp	5.34 điểm (thang 1–10)
Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Đồng Tháp	4.45 điểm (thang 1–10)
Thiết chế pháp lý Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Đồng Tháp	7.85 điểm (thang 1–10)
Chính quyền kiến tạo Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Đồng Tháp	2.78 điểm (thang 1–10)
Gia nhập thị trường Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Gia Lai	5.28 điểm (thang 1–10)
Tiếp cận nguồn lực Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Gia Lai	5.43 điểm (thang 1–10)
Tính minh bạch Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Gia Lai	7.18 điểm (thang 1–10)
Chi phí tuân thủ TTHC Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Gia Lai	7.79 điểm (thang 1–10)
Chi phí không chính thức Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Gia Lai	7.68 điểm (thang 1–10)
Cạnh tranh bình đẳng Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Gia Lai	5.05 điểm (thang 1–10)
Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Gia Lai	6.01 điểm (thang 1–10)
Thiết chế pháp lý Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Gia Lai	7.34 điểm (thang 1–10)
Chính quyền kiến tạo Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Gia Lai	6.12 điểm (thang 1–10)

Gia nhập thị trường	Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Hà Nội	6.96 điểm (thang 1–10)
Tiếp cận nguồn lực	Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Hà Nội	6.69 điểm (thang 1–10)
Tính minh bạch	Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Hà Nội	6.06 điểm (thang 1–10)
Chi phí tuân thủ TTHC	Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Hà Nội	7.77 điểm (thang 1–10)
Chi phí không chính thức	Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Hà Nội	7.44 điểm (thang 1–10)
Cạnh tranh bình đẳng	Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Hà Nội	4.77 điểm (thang 1–10)
Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp	Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Hà Nội	6 điểm (thang 1–10)
Thiết chế pháp lý	Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Hà Nội	6.09 điểm (thang 1–10)
Chính quyền kiến tạo	Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Hà Nội	5.44 điểm (thang 1–10)
Gia nhập thị trường	Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Hà Tĩnh	6.55 điểm (thang 1–10)
Tiếp cận nguồn lực	Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Hà Tĩnh	5.32 điểm (thang 1–10)
Tính minh bạch	Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Hà Tĩnh	6.54 điểm (thang 1–10)
Chi phí tuân thủ TTHC	Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Hà Tĩnh	7.17 điểm (thang 1–10)
Chi phí không chính thức	Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Hà Tĩnh	7.28 điểm (thang 1–10)
Cạnh tranh bình đẳng	Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Hà Tĩnh	5.09 điểm (thang 1–10)

Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Hà Tĩnh	5.4 điểm (thang 1–10)
Thiết chế pháp lý Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Hà Tĩnh	7.35 điểm (thang 1–10)
Chính quyền kiến tạo Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Hà Tĩnh	5.6 điểm (thang 1–10)
Gia nhập thị trường Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Hải Phòng	7.53 điểm (thang 1–10)
Tiếp cận nguồn lực Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Hải Phòng	6.44 điểm (thang 1–10)
Tính minh bạch Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Hải Phòng	7.43 điểm (thang 1–10)
Chi phí tuân thủ TTHC Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Hải Phòng	8.66 điểm (thang 1–10)
Chi phí không chính thức Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Hải Phòng	7.75 điểm (thang 1–10)
Cạnh tranh bình đẳng Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Hải Phòng	7.08 điểm (thang 1–10)
Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Hải Phòng	5.81 điểm (thang 1–10)
Thiết chế pháp lý Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Hải Phòng	6.99 điểm (thang 1–10)
Chính quyền kiến tạo Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Hải Phòng	6.11 điểm (thang 1–10)
Gia nhập thị trường Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Huế	7.59 điểm (thang 1–10)
Tiếp cận nguồn lực Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Huế	5.74 điểm (thang 1–10)
Tính minh bạch Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Huế	7.42 điểm (thang 1–10)

Chi phí tuân thủ TTHC Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Huế	5.93 điểm (thang 1–10)
Chi phí không chính thức Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Huế	7.65 điểm (thang 1–10)
Cạnh tranh bình đẳng Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Huế	5.06 điểm (thang 1–10)
Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Huế	6.87 điểm (thang 1–10)
Thiết chế pháp lý Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Huế	7.02 điểm (thang 1–10)
Chính quyền kiến tạo Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Huế	6.2 điểm (thang 1–10)
Gia nhập thị trường Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Hưng Yên	7.26 điểm (thang 1–10)
Tiếp cận nguồn lực Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Hưng Yên	6.16 điểm (thang 1–10)
Tính minh bạch Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Hưng Yên	7.69 điểm (thang 1–10)
Chi phí tuân thủ TTHC Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Hưng Yên	7.31 điểm (thang 1–10)
Chi phí không chính thức Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Hưng Yên	8.09 điểm (thang 1–10)
Cạnh tranh bình đẳng Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Hưng Yên	7.24 điểm (thang 1–10)
Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Hưng Yên	5.68 điểm (thang 1–10)
Thiết chế pháp lý Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Hưng Yên	6.55 điểm (thang 1–10)
Chính quyền kiến tạo Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Hưng Yên	5.25 điểm (thang 1–10)

Gia nhập thị trường Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Khánh Hòa	6.99 điểm (thang 1–10)
Tiếp cận nguồn lực Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Khánh Hòa	6.03 điểm (thang 1–10)
Tính minh bạch Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Khánh Hòa	6.94 điểm (thang 1–10)
Chi phí tuân thủ TTHC Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Khánh Hòa	7.2 điểm (thang 1–10)
Chi phí không chính thức Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Khánh Hòa	7.68 điểm (thang 1–10)
Cạnh tranh bình đẳng Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Khánh Hòa	6.71 điểm (thang 1–10)
Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Khánh Hòa	5.89 điểm (thang 1–10)
Thiết chế pháp lý Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Khánh Hòa	7.05 điểm (thang 1–10)
Chính quyền kiến tạo Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Khánh Hòa	5.32 điểm (thang 1–10)
Gia nhập thị trường Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Lai Châu	6.93 điểm (thang 1–10)
Tiếp cận nguồn lực Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Lai Châu	5.91 điểm (thang 1–10)
Tính minh bạch Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Lai Châu	6.41 điểm (thang 1–10)
Chi phí tuân thủ TTHC Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Lai Châu	6.91 điểm (thang 1–10)
Chi phí không chính thức Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Lai Châu	6.94 điểm (thang 1–10)
Cạnh tranh bình đẳng Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Lai Châu	6.24 điểm (thang 1–10)

Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Lai Châu	5.1 điểm (thang 1–10)
Thiết chế pháp lý Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Lai Châu	6.31 điểm (thang 1–10)
Chính quyền kiến tạo Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Lai Châu	5.04 điểm (thang 1–10)
Gia nhập thị trường Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Lạng Sơn	6.7 điểm (thang 1–10)
Tiếp cận nguồn lực Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Lạng Sơn	5.65 điểm (thang 1–10)
Tính minh bạch Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Lạng Sơn	6.78 điểm (thang 1–10)
Chi phí tuân thủ TTHC Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Lạng Sơn	6.62 điểm (thang 1–10)
Chi phí không chính thức Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Lạng Sơn	8.3 điểm (thang 1–10)
Cạnh tranh bình đẳng Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Lạng Sơn	6.43 điểm (thang 1–10)
Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Lạng Sơn	5.2 điểm (thang 1–10)
Thiết chế pháp lý Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Lạng Sơn	6.96 điểm (thang 1–10)
Chính quyền kiến tạo Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Lạng Sơn	6.45 điểm (thang 1–10)
Gia nhập thị trường Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Lào Cai	6.99 điểm (thang 1–10)
Tiếp cận nguồn lực Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Lào Cai	6.21 điểm (thang 1–10)
Tính minh bạch Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Lào Cai	6.91 điểm (thang 1–10)

Chi phí tuân thủ TTHC Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Lào Cai	7.12 điểm (thang 1–10)
Chi phí không chính thức Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Lào Cai	7.76 điểm (thang 1–10)
Cạnh tranh bình đẳng Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Lào Cai	4.99 điểm (thang 1–10)
Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Lào Cai	5.76 điểm (thang 1–10)
Thiết chế pháp lý Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Lào Cai	7.27 điểm (thang 1–10)
Chính quyền kiến tạo Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Lào Cai	5.33 điểm (thang 1–10)
Gia nhập thị trường Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Lâm Đồng	5.51 điểm (thang 1–10)
Tiếp cận nguồn lực Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Lâm Đồng	6.08 điểm (thang 1–10)
Tính minh bạch Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Lâm Đồng	6.3 điểm (thang 1–10)
Chi phí tuân thủ TTHC Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Lâm Đồng	7.61 điểm (thang 1–10)
Chi phí không chính thức Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Lâm Đồng	7.4 điểm (thang 1–10)
Cạnh tranh bình đẳng Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Lâm Đồng	7.75 điểm (thang 1–10)
Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Lâm Đồng	5.38 điểm (thang 1–10)
Thiết chế pháp lý Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Lâm Đồng	7.3 điểm (thang 1–10)
Chính quyền kiến tạo Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Lâm Đồng	6.6 điểm (thang 1–10)

Gia nhập thị trường Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Nghệ An	6.64 điểm (thang 1–10)
Tiếp cận nguồn lực Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Nghệ An	5.76 điểm (thang 1–10)
Tính minh bạch Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Nghệ An	7.46 điểm (thang 1–10)
Chi phí tuân thủ TTHC Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Nghệ An	7.34 điểm (thang 1–10)
Chi phí không chính thức Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Nghệ An	7.1 điểm (thang 1–10)
Cạnh tranh bình đẳng Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Nghệ An	4.4 điểm (thang 1–10)
Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Nghệ An	5.98 điểm (thang 1–10)
Thiết chế pháp lý Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Nghệ An	7.37 điểm (thang 1–10)
Chính quyền kiến tạo Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Nghệ An	4.57 điểm (thang 1–10)
Gia nhập thị trường Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Ninh Bình	5.88 điểm (thang 1–10)
Tiếp cận nguồn lực Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Ninh Bình	5.37 điểm (thang 1–10)
Tính minh bạch Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Ninh Bình	7.04 điểm (thang 1–10)
Chi phí tuân thủ TTHC Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Ninh Bình	7.91 điểm (thang 1–10)
Chi phí không chính thức Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Ninh Bình	8.32 điểm (thang 1–10)
Cạnh tranh bình đẳng Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Ninh Bình	5.69 điểm (thang 1–10)

Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Ninh Bình	5.32 điểm (thang 1–10)
Thiết chế pháp lý Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Ninh Bình	7.92 điểm (thang 1–10)
Chính quyền kiến tạo Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Ninh Bình	5.85 điểm (thang 1–10)
Gia nhập thị trường Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Phú Thọ	6.89 điểm (thang 1–10)
Tiếp cận nguồn lực Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Phú Thọ	6.64 điểm (thang 1–10)
Tính minh bạch Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Phú Thọ	7.43 điểm (thang 1–10)
Chi phí tuân thủ TTHC Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Phú Thọ	7.1 điểm (thang 1–10)
Chi phí không chính thức Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Phú Thọ	7.79 điểm (thang 1–10)
Cạnh tranh bình đẳng Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Phú Thọ	6.49 điểm (thang 1–10)
Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Phú Thọ	5.79 điểm (thang 1–10)
Thiết chế pháp lý Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Phú Thọ	7.46 điểm (thang 1–10)
Chính quyền kiến tạo Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Phú Thọ	6.32 điểm (thang 1–10)
Gia nhập thị trường Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Quảng Ngãi	6.31 điểm (thang 1–10)
Tiếp cận nguồn lực Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Quảng Ngãi	5.86 điểm (thang 1–10)
Tính minh bạch Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Quảng Ngãi	5.3 điểm (thang 1–10)

Chi phí tuân thủ TTHC Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Quảng Ngãi	7.38 điểm (thang 1–10)
Chi phí không chính thức Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Quảng Ngãi	6.12 điểm (thang 1–10)
Cạnh tranh bình đẳng Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Quảng Ngãi	6.13 điểm (thang 1–10)
Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Quảng Ngãi	4.54 điểm (thang 1–10)
Thiết chế pháp lý Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Quảng Ngãi	7.7 điểm (thang 1–10)
Chính quyền kiến tạo Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Quảng Ngãi	3.02 điểm (thang 1–10)
Gia nhập thị trường Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Quảng Ninh	7.35 điểm (thang 1–10)
Tiếp cận nguồn lực Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Quảng Ninh	6.31 điểm (thang 1–10)
Tính minh bạch Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Quảng Ninh	6.53 điểm (thang 1–10)
Chi phí tuân thủ TTHC Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Quảng Ninh	7.24 điểm (thang 1–10)
Chi phí không chính thức Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Quảng Ninh	7.76 điểm (thang 1–10)
Cạnh tranh bình đẳng Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Quảng Ninh	7.19 điểm (thang 1–10)
Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Quảng Ninh	5.45 điểm (thang 1–10)
Thiết chế pháp lý Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Quảng Ninh	7.77 điểm (thang 1–10)
Chính quyền kiến tạo Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Quảng Ninh	6.41 điểm (thang 1–10)

Gia nhập thị trường Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Quảng Trị	7.1 điểm (thang 1–10)
Tiếp cận nguồn lực Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Quảng Trị	5.78 điểm (thang 1–10)
Tính minh bạch Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Quảng Trị	6.92 điểm (thang 1–10)
Chi phí tuân thủ TTHC Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Quảng Trị	6.21 điểm (thang 1–10)
Chi phí không chính thức Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Quảng Trị	6.32 điểm (thang 1–10)
Cạnh tranh bình đẳng Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Quảng Trị	4.9 điểm (thang 1–10)
Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Quảng Trị	5.31 điểm (thang 1–10)
Thiết chế pháp lý Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Quảng Trị	6.01 điểm (thang 1–10)
Chính quyền kiến tạo Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Quảng Trị	4.96 điểm (thang 1–10)
Gia nhập thị trường Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Sơn La	7.37 điểm (thang 1–10)
Tiếp cận nguồn lực Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Sơn La	6.4 điểm (thang 1–10)
Tính minh bạch Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Sơn La	5.83 điểm (thang 1–10)
Chi phí tuân thủ TTHC Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Sơn La	6.81 điểm (thang 1–10)
Chi phí không chính thức Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Sơn La	7.6 điểm (thang 1–10)
Cạnh tranh bình đẳng Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Sơn La	4.91 điểm (thang 1–10)

Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Sơn La	5.72 điểm (thang 1–10)
Thiết chế pháp lý Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Sơn La	6.91 điểm (thang 1–10)
Chính quyền kiến tạo Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Sơn La	5.24 điểm (thang 1–10)
Gia nhập thị trường Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Tây Ninh	6.56 điểm (thang 1–10)
Tiếp cận nguồn lực Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Tây Ninh	4.75 điểm (thang 1–10)
Tính minh bạch Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Tây Ninh	6.55 điểm (thang 1–10)
Chi phí tuân thủ TTHC Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Tây Ninh	8.86 điểm (thang 1–10)
Chi phí không chính thức Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Tây Ninh	7.08 điểm (thang 1–10)
Cạnh tranh bình đẳng Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Tây Ninh	5.43 điểm (thang 1–10)
Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Tây Ninh	4.37 điểm (thang 1–10)
Thiết chế pháp lý Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Tây Ninh	7.91 điểm (thang 1–10)
Chính quyền kiến tạo Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Tây Ninh	3.23 điểm (thang 1–10)
Gia nhập thị trường Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Thái Nguyên	7.72 điểm (thang 1–10)
Tiếp cận nguồn lực Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Thái Nguyên	6.12 điểm (thang 1–10)
Tính minh bạch Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Thái Nguyên	7.56 điểm (thang 1–10)

Chi phí tuân thủ TTHC Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Thái Nguyên	7.21 điểm (thang 1–10)
Chi phí không chính thức Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Thái Nguyên	7.28 điểm (thang 1–10)
Cạnh tranh bình đẳng Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Thái Nguyên	5.26 điểm (thang 1–10)
Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Thái Nguyên	5.34 điểm (thang 1–10)
Thiết chế pháp lý Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Thái Nguyên	7.51 điểm (thang 1–10)
Chính quyền kiến tạo Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Thái Nguyên	5.5 điểm (thang 1–10)
Gia nhập thị trường Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Thanh Hóa	8.06 điểm (thang 1–10)
Tiếp cận nguồn lực Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Thanh Hóa	4.9 điểm (thang 1–10)
Tính minh bạch Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Thanh Hóa	6.77 điểm (thang 1–10)
Chi phí tuân thủ TTHC Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Thanh Hóa	7.49 điểm (thang 1–10)
Chi phí không chính thức Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Thanh Hóa	7.92 điểm (thang 1–10)
Cạnh tranh bình đẳng Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Thanh Hóa	5.36 điểm (thang 1–10)
Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Thanh Hóa	5.16 điểm (thang 1–10)
Thiết chế pháp lý Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Thanh Hóa	7.59 điểm (thang 1–10)
Chính quyền kiến tạo Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Thanh Hóa	5.29 điểm (thang 1–10)

Gia nhập thị trường Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: TP.HCM	7.29 điểm (thang 1–10)
Tiếp cận nguồn lực Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: TP.HCM	6.28 điểm (thang 1–10)
Tính minh bạch Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: TP.HCM	6.93 điểm (thang 1–10)
Chi phí tuân thủ TTHC Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: TP.HCM	7.52 điểm (thang 1–10)
Chi phí không chính thức Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: TP.HCM	6.77 điểm (thang 1–10)
Cạnh tranh bình đẳng Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: TP.HCM	5.84 điểm (thang 1–10)
Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: TP.HCM	5.61 điểm (thang 1–10)
Thiết chế pháp lý Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: TP.HCM	7.01 điểm (thang 1–10)
Chính quyền kiến tạo Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: TP.HCM	5.38 điểm (thang 1–10)
Gia nhập thị trường Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Tuyên Quang	6.5 điểm (thang 1–10)
Tiếp cận nguồn lực Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Tuyên Quang	6.6 điểm (thang 1–10)
Tính minh bạch Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Tuyên Quang	7.78 điểm (thang 1–10)
Chi phí tuân thủ TTHC Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Tuyên Quang	6.86 điểm (thang 1–10)
Chi phí không chính thức Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Tuyên Quang	7.67 điểm (thang 1–10)
Cạnh tranh bình đẳng Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Tuyên Quang	5.67 điểm (thang 1–10)

Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Tuyên Quang	5.51 điểm (thang 1–10)
Thiết chế pháp lý Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Tuyên Quang	7.94 điểm (thang 1–10)
Chính quyền kiến tạo Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Tuyên Quang	6.07 điểm (thang 1–10)
Gia nhập thị trường Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Vĩnh Long	6.79 điểm (thang 1–10)
Tiếp cận nguồn lực Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Vĩnh Long	6.55 điểm (thang 1–10)
Tính minh bạch Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Vĩnh Long	6.66 điểm (thang 1–10)
Chi phí tuân thủ TTHC Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Vĩnh Long	6.32 điểm (thang 1–10)
Chi phí không chính thức Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Vĩnh Long	6.01 điểm (thang 1–10)
Cạnh tranh bình đẳng Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Vĩnh Long	5.51 điểm (thang 1–10)
Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Vĩnh Long	5.41 điểm (thang 1–10)
Thiết chế pháp lý Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Vĩnh Long	7.65 điểm (thang 1–10)
Chính quyền kiến tạo Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Vĩnh Long	4.26 điểm (thang 1–10)
Số địa phương nhóm chất lượng điều hành Rất tốt Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Toàn quốc	0 tỉnh/thành phố
Số địa phương nhóm chất lượng điều hành Tốt Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Toàn quốc	5 tỉnh/thành phố
Số địa phương nhóm chất lượng điều hành Khá Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Toàn quốc	13 tỉnh/thành phố

Số địa phương nhóm chất lượng điều hành Trung bình Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Toàn quốc	10 tỉnh/thành phố
Số địa phương nhóm chất lượng điều hành Tương đối thấp Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Toàn quốc	5 tỉnh/thành phố
Số địa phương nhóm chất lượng điều hành Thấp Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Toàn quốc	1 tỉnh/thành phố
Điểm PCI tổng hợp trung bình toàn quốc Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Toàn quốc	63.76 điểm (thang 100)
Độ lệch chuẩn điểm PCI tổng hợp toàn quốc Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Toàn quốc	3.52 điểm (thang 100)
Điểm PCI tổng hợp trung vị toàn quốc Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Toàn quốc	63.9 điểm (thang 100)
Điểm PCI tổng hợp thấp nhất Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Toàn quốc	55.63 điểm (thang 100)
Điểm PCI tổng hợp cao nhất Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Toàn quốc	69.72 điểm (thang 100)
Trung vị chỉ số thành phần Gia nhập thị trường Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Toàn quốc	7.07 điểm (thang 1–10)
Trung vị chỉ số thành phần Tiếp cận nguồn lực Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Toàn quốc	6.05 điểm (thang 1–10)
Trung vị chỉ số thành phần Tính minh bạch Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Toàn quốc	6.93 điểm (thang 1–10)
Trung vị chỉ số thành phần Chi phí tuân thủ TTHC Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Toàn quốc	7.31 điểm (thang 1–10)
Trung vị chỉ số thành phần Chi phí không chính thức Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Toàn quốc	7.6 điểm (thang 1–10)
Trung vị chỉ số thành phần Cạnh tranh bình đẳng Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Toàn quốc	5.51 điểm (thang 1–10)
Trung vị chỉ số thành phần Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Toàn quốc	5.43 điểm (thang 1–10)

Trung vị chỉ số thành phần Thiết chế pháp lý
Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Toàn quốc
7.29 điểm (thang 1–10)

Trung vị chỉ số thành phần Chính quyền kiến tạo
Kỳ dữ liệu: 2025 · Địa bàn: Toàn quốc
5.46 điểm (thang 1–10)

NGUỒN & ĐỘ MỚI

Phiên bản: PCI 2025 (công bố 2026-05-15)
Cập nhật: 2026-10-08
Giấy phép: Số liệu thống kê chính thức quốc gia & Dữ liệu mở quản trị công

VCCI / USAID — Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) & USAID
https://pcivietnam.vn

VietnamPlus / Thông tấn xã Việt Nam — Kết quả Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2025 của 34 địa phương
https://www.vietnamplus.vn/ket-qua-chi-so-nang-luc-canh-tranh-cap-tinh-nam-2025-cua-34-dia-phuong-post1110657.vnp

Báo Nhân Dân — Viet Nam's 2025 Provincial Competitiveness Index announced
https://en.nhandan.vn/viet-nams-2025-provincial-competitiveness-index-announced-post162191.html

Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), cổng PCI — Báo cáo PCI 2025
https://pcivietnam.vn/an-pham/bao-cao-pci-2025-ct236

VCCI — Báo cáo Kinh tế tư nhân Việt Nam 2025 — Bảng điểm 9 chỉ số thành phần PCI của 34 tỉnh, thành phố
https://pcivietnam.vn/data_pci_file/general_file/1778829711-Layout%20PCI%202025_VN_5-15.pdf

Cổng Thông tin điện tử Chính phủ — Provincial competitiveness rankings of 34 localities released
https://en.baochinhphu.vn/provincial-competitiveness-rankings-of-34-localities-released-111260515162627374.htm

VCCI News — PCI 2.0: When Reform Is Measured by Business Growth
https://en.vcci.com.vn/vcci-news/pci-20-when-reform-is-measured-by-business-growth-120587

Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), Dự án PCI — Báo cáo thường niên Kinh tế tư nhân Việt Nam 2025 | PCI 2.0 — dữ liệu PCI 2025 theo 34 tỉnh và trung vị 9 chỉ số thành phần
https://pcivietnam.vn/report-2025

Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) — Báo cáo PCI 2025 — phương pháp, phân nhóm chất lượng điều hành và thống kê điểm tổng hợp
https://pcivietnam.vn/data_pci_file/general_file/1779092272-05.%20Bao%20cao%20PCI%202025.pdf

Báo Nhân Dân — Tin nổi bật ngày 15/5: ...; đối chiếu ngày công bố PCI 2025 và trung vị toàn quốc
https://nhandan.vn/tin-noi-bat-ngay-155-hoan-thien-the-che-vuot-troi-tao-dong-luc-de-thanh-pho-ho-chi-minh-but-pha-danh-gia-1-nam-van-hanh-bo-may-chinh-quyen-dia-phuong-2-cap-post962472.html